ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: Kinh doanh quốc tế (International Business)

Mã ngành: 7340120

Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: **Bộ Giáo dục và Đào tạo**

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

1.1.1 Quá trình xây dựng và phát triển

Ngày 27 tháng 3 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 467/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM (UMT), có trụ sở chính đặt tại khu dân cư Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Đến ngày 02 tháng 6 năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1676/QĐ-BGDĐT cho phép Trường tổ chức hoạt động đào tạo. UMT là cơ sở giáo dục đại học tư thục trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

UMT được đầu tư xây dựng mới cơ sở vật chất, với kiến trúc hiện đại và bền vững, cùng đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có tinh thần khai phóng, có năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các thành tựu khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực thuộc Khoa học Quản lý và Công nghệ. Nguồn nhân lực do UMT đào tạo đáp ứng tốt không chỉ nhu cầu phát triển của TP.HCM mà còn trên phạm vi cả nước, của các công ty nội địa và các tập đoàn đa quốc gia. Mục tiêu dài hạn là xây dựng Trường trở thành một đại học tiên phong trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị phù hợp với thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0.

Ngay sau khi có Quyết định thành lập trường, UMT đã tổ chức xây dựng chiến lược đào tạo và xác định quy mô tuyển sinh của Trường, với sự tham dự của nhiều chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục, quản lý giáo dục, và doanh nghiệp ở các ngành nghề khác nhau. Dự kiến quy mô tuyển sinh trình độ đại học hàng năm sẽ tăng dần từ 500 sinh viên vào năm 2022 (năm đầu tiên khai giảng) đến 1500 sinh viên vào năm 2025; và kể từ 2028, Trường sẽ tiến

hành tuyển sinh khoảng 60 chỉ tiêu hệ cao học của ba ngành Quản trị kinh doanh, Nghệ thuật số, và Truyền thông đa phương tiện.

1.1.2 Các ngành, quy mô, và hình thức đào tạo

Hiện nay, Trường đã thành lập 03 Khoa và 03 tổ Bộ môn đảm nhận các học phần cơ bản. Dự kiến từ năm học 2022-2023, Trường sẽ bắt đầu tuyển sinh 7 ngành trình độ đại học (Bảng 1).

Bảng 1. Các ngành đào tạo và Khoa quản lý chuyên môn

STT	Ngành đào tạo	Khoa quản lý chuyên môn
1	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh
2	Kinh doanh quốc tế	
3	Marketing	
4	Bất động sản	
5	Truyền thông đa phương tiện	
6	Thiết kế đồ họa	Thiết kế
7	Công nghệ Thông tin	Công nghệ

Trường cũng đang xúc tiến tiến hành các hoạt động liên kết đào tạo với các trường Đại học uy tín trong nước và quốc tế, đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa các ngành trên cho học viên có nhu cầu.

1.1.3 Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm thực hành, thư viện, giáo trình

Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM có 04 cơ sở bao gồm:

Cơ sở 1 (trụ sở chính): Tọa lạc tại khu dân cư Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, TP.HCM (địa chỉ cũ: phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM), với tổng diện tích đất là 80.092 m^2, đảm bảo quy mô đào tạo ổn định sau 10 năm phát triển là 3.200 sinh viên phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng trường đã được Ủy ban nhân dân TP.HCM phê duyệt. Địa điểm xây dựng Trường đảm bảo môi trường giáo dục theo quy hoạch, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn của nhà nước và bảo đảm an toàn cho tất cả người học, nhà giáo và cán bộ nhân viên của Trường. Ngày 16/11/2020, Trường đã tiến hành Lễ khởi công xây dựng hạng mục công trình đầu tiên là tòa nhà phục vụ nghiên cứu và học tập gồm 9 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng 16.884 m^2. Công trình đang được gấp rút thi công, dự kiến hoàn công và đưa vào sử dụng trong năm 2021. Đây là cơ sở đào tạo chính, nơi đặt văn phòng hiệu bộ và các Khoa, Phòng, Ban chuyên môn của Trường. Quy mô gồm trên 32 phòng học, trong đó có 8 phòng học đa năng với 1.200 chỗ ngồi, 3 phòng thực hành máy tính, studio, hội trường 400 chỗ ngồi, thư viện, và các phòng chức năng khác sẵn sàng phục vụ đào tạo bắt đầu từ năm học 2022-2023.

Trường cũng đã hoàn thành đầu tư xây dựng các sân bãi thể dục thể thao đưa vào sử dụng phục vụ các hoạt động đào tạo cũng như vui chơi, giải trí cho người học, bao gồm:

(i) 01 sân bóng đá đa năng kích thước 85m×60m, đảm bảo cùng lúc tối đa là 28 người chơi;

(ii) 01 sân bóng rổ kích thước 32m×19m, số lượng người chơi cùng lúc tối đa là 10 người;

(iii) 01 sân bóng chuyền kích thước 24m×15m, số lượng người chơi cùng lúc tối đa là 12 người;

(iv) 01 sân đa năng kích thước 30m×19m (sân bóng chuyền kết hợp sân tập bóng rổ), số lượng người chơi cùng lúc tối đa là 17 người.

Cơ sở 2: Tọa lạc tại số 11 đường số 35-CL, khu phố 3, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, TP.HCM (địa chỉ cũ: số 11 đường số 35-CL, khu phố 3, phường Cát Lái, quận 2, TP.HCM), với tổng diện tích sàn xây dựng là 7.463 m^2, có vị trí nằm gần kề trụ sở chính của Trường. Tại Cơ sở này, diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo là 2.900 m^2 phù hợp để bố trí các trung tâm, Viện nghiên cứu trực thuộc nhà trường, Thư viện, 18 phòng học (2 giảng đường lớn), 3 phòng máy tính, phòng thực hành .v.v. cùng một số dịch vụ tiện ích phục vụ cho người học và giảng viên, nhân viên như cửa hàng tiện lợi, bãi xe, và dịch vụ ăn uống.

Cơ sở 3: Tọa lạc tại số 311-319 Gia Phú, phường 1, quận 6, TP.HCM, có tổng diện tích sàn xây dựng là 5.684 m^2. Cơ sở 3 hiện có diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo gần 3.000 m^2, bao gồm 21 phòng học có quy mô từ 50 đến 200 chỗ ngồi, 01 phòng studio, hội trường 450 chỗ ngồi, thư viện, văn phòng tuyển sinh, các phòng làm việc, và các phòng chức năng khác.

Cơ sở 4: Tọa lạc tại số 259B Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM (địa chỉ cũ: số 259B Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, TP.HCM), với tổng diện tích sàn xây dựng là 1.342 m^2. Cơ sở này nằm tại trung tâm TP.HCM, phù hợp tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn hoặc liên kết đào tạo quốc tế và đào tạo sau đại học. Cơ sở có 15 phòng học, 2 phòng thực hành máy tính, văn phòng tuyển sinh, các phòng làm việc, và phòng chức năng.

1.2 Giới thiệu về Khoa

Khoa Kinh doanh là khoa chủ lực của trường, được định hướng phát triển các ngành nghề đào tạo trong lĩnh vực kinh tế, quản lý và truyền thông theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Nguồn nhân lực đào tạo ra sẽ đóng góp vào nguồn nhân lực chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế cho thị trường lao động Việt Nam và các nước trong khu vực. Theo kế hoạch phát triển, đội ngũ nhân sự các giảng viên của Khoa Kinh doanh được yêu cầu tốt nghiệp từ các đại

học quốc tế có uy tín và lưu loát ngoại ngữ (Tiếng Anh). Khoa Kinh doanh, Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM có tên giao dịch quốc tế là: UMT Business School.

Trong giai đoạn đầu kế hoạch 3 năm, Khoa Kinh doanh gồm các bộ môn trực thuộc:

(i) Quản trị kinh doanh

(ii) Kinh doanh Quốc tế

(iii) Bất động sản

(iv) Tài chính – Kế toán

(v) Marketing

(vi) Truyền thông

Mỗi bộ môn phát triển và quản lý các ngành và chuyên ngành trực thuộc.

1.3 Sự cần thiết của việc mở ngành

1.3.1 Sự phù hợp với nhu cầu xã hội

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 252/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 8,0% - 8.5%/năm, GDP bình quân đầu người năm 2030 đạt khoảng 12.200 USD.

Nghị quyết số 136/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đã xác định vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; là vùng duy nhất hiện nay hội tụ đủ các điều kiện và lợi thế để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đặc biệt phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, tin học, công nghiệp dầu khí và sản phẩm hoá dầu; phát triển dịch vụ cao cấp, dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng; nghiên cứu, ứng dụng và triển khai khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao.

Trong giai đoạn 2020 đến 2025, mỗi năm TP.HCM cần khoảng 270.000 vị trí việc làm dành cho nguồn nhân lực liên quan đến ngành kinh doanh. Với hơn 700.000 doanh nghiệp hiện nay và dự kiến tăng đến một triệu doanh nghiệp vào năm 2025, nhu cầu lao động chất lượng cao có trình độ Đại học, có trình độ chuyên môn và kỹ năng thực hành tại các thành phố lớn ngày càng tăng. Đồng thời dưới áp lực cạnh tranh trong bối cảnh quốc tế hóa và cuộc cách mạng công nghệ 4.0, mối lo tụt hậu trình độ lao động và kỹ năng ngày càng trở nên hiện hữu. Nhu cầu về nhân lực chất lượng cao "lao động tri thức" thay thế sức lao động bằng vận hành máy móc tự động hóa, rô-bốt, trí tuệ nhân tạo trở nên cấp thiết. Trước nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh quốc tế, UMT chủ trương mở ngành Kinh doanh quốc tế (KDQT) trình độ đại học mang tính ứng dụng cao.

1.3.2 Sự phù hợp với chiến lược phát triển của Trường

UMT đóng góp vào sự phát triển của Việt Nam thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển nghiên cứu khoa học, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu của xã hội theo chuẩn quốc tế. UMT coi trọng tinh thần khai phóng, tính năng động, sáng tạo, trung thực, tinh thần trách nhiệm, khả năng sống và làm việc trong môi trường cạnh tranh đa văn hóa. Với quan điểm con người là trung tâm của phát triển bền vững – đây chính là nền tảng làm nên sức hút của nhóm ngành kinh doanh, trong đó có ngành KDQT.

KDQT là một trong những ngành quan trọng trong chiến lược phát triển của Trường và nhận được sự quan tâm từ phía doanh nghiệp; là ngành nghề có mức thu nhập hấp dẫn và cơ hội phát triển nghề nghiệp tiềm năng. KDQT bao gồm các môn học trang bị nền tảng kiến thức và kỹ năng phù hợp cho các hoạt động giao dịch kinh doanh quốc tế. Đây là lĩnh vực năng động và mang tính quốc tế hóa cao thuộc nhóm ngành kinh doanh; cung cấp những kiến thức chung về quản trị kinh doanh, quản trị chiến lược, kinh doanh – thương mại quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương, thanh tooán quốc tế, thương mại điện tử, marketing quốc tế, xuất nhập khẩu, logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Sự phù hợp trong việc mở ngành KDQT đối với chiến lược phát triển của UMT được thể hiện qua những nội dung sau:

- UMT mở ngành KDQT theo hướng ứng dụng, tích hợp với một số ngành đào tạo khác. Chương trình đào tạo (CTĐT) thể hiện sự kết nối và phối hợp đào tạo giữa UMT với các đơn vị, công ty, doanh nghiệp nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế để đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế - xã hội.
- Ngành KDQT được xây dựng và phụ trách đào tạo bởi đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy, tốt nghiệp từ nhiều trường đại học uy tín của Singapore, Australia, Mỹ, Anh, và Châu Âu và các nhà quản lý đến từ khu vực doanh nghiệp. Do đó, CTĐT là cập nhật, có chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển và năng lực của UMT.
- UMT yêu cầu cao về chuẩn đầu ra Tiếng Anh. Đây được xem như là một thế mạnh của UMT trong vai trò cung cấp nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng tốt nhu cầu của nhà tuyển dụng trong và ngoài nước. Trong quá trình đào tạo, người học được đào tạo ngoại ngữ và nhiều học phần chuyên ngành được giảng dạy bằng Tiếng Anh. Khi tốt nghiệp sinh viên có trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương IELTS 6.0. Như vậy, ngoài việc được trang bị kiến thức chuyên môn, sinh viên còn có trình độ ngoại ngữ,

giúp tăng cơ hội việc làm ở các công ty có yếu tố quốc tế và cơ hội học tập các chương trình quốc tế nâng cao.

- Môi trường học tập của UMT có tính cá nhân hóa cao; hệ thống chăm sóc người học luôn nhất quán theo phương châm "lấy người học làm trung tâm". Triết lý đào tạo của UMT luôn khẳng định các tiêu chí: đào tạo công dân toàn cầu, tinh thần khai phóng, chú trọng thực học - thực nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế bền vững. Những tiêu chí này hoàn toàn phù hợp để đào tạo chuyên gia tương lai với nhiều tố chất cá nhân nổi bật phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và quản lý phát triển kinh doanh như ngành KDQT. Với tầm nhìn trở thành trường đại học Việt Nam đạt chuẩn quốc tế và khu vực, chiến lược phát triển của UMT bao gồm lộ trình cho chương trình đào tạo đại học chất lượng cao, và hướng tới xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ trong tương lai. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới, việc xây dựng và triển khai chương trình đào tạo đại học ngành KDQT là bước đi quan trọng để UMT góp phần cung cấp cho xã hội lực lượng cử nhân chất lượng cao có đủ kiến thức, kỹ năng và đạo đức đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.3.3 Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia

TP.HCM là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn nhất Việt Nam về kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế; tạo động lực với sức hút và sự lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giữ vị trí quan trọng đối với sự phát triển chung của Việt Nam. Do đó, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao là yêu cầu cần thiết, khách quan trong việc xây dựng và phát triển TP.HCM. Vì thế Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015 – 2020 đã đề ra 7 chương trình đột phá của Thành phố, trong đó chương trình đầu tiên là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động TP.HCM đã khảo sát thường xuyên tình hình sử dụng lao động và nhu cầu tuyển dụng lao động tại doanh nghiệp, từ đó cập nhật cơ sở dữ liệu về nhu cầu nhân lực và phân tích diễn biến thông tin thị trường lao động. Từ kết quả Dự báo xác định nhu cầu nhân lực tại TP.HCM trong giai đoạn 2020 - 2025, dự kiến nhu cầu 1 năm khoảng 270.000 việc làm (trong đó: lao động có trình độ đại học chiếm 13%, cao đẳng chiếm 15%). Nhu cầu nhân lực nhóm ngành dịch vụ hằng năm tại TP.HCM giai đoạn 2020 - 2025 như sau:

- Ngành Tài chính - Tín dụng - Ngân hàng - Bảo hiểm 10.800 việc làm;
- Thương mại là 8.100 việc làm;
- Truyền thông - Quảng cáo - Marketing cần 21.600 việc làm;

- Quản lý hành chính cần 10.800 việc làm.

Trung tâm đã thực hiện tổng hợp dữ liệu khảo sát 2.000 doanh nghiệp với khoảng 4.000 người lao động trên địa bàn TP.HCM; đồng thời sử dụng kết quả khảo sát cung - cầu lao động trên các hệ thống thông tin lao động - việc làm, sàn giao dịch việc làm, ngày hội tư vấn hướng nghiệp với khoảng 58.494 doanh nghiệp và 164.614 người có nhu cầu việc làm. Kết quả điều tra nhu cầu sử dụng lao động tại 2.735 doanh nghiệp trong các loại hình doanh nghiệp năm 2020 tại TP.HCM; Niên giám thống kê năm 2019 của Cục Thống kê TP. HCM; và Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của Cục Thống kê TP.HCM. Kết quả phân tích nguồn dữ liệu cho thấy nhu cầu nhân lực theo nhóm nghề, trong đó nhóm nghề *Kinh doanh - thương mại* (theo Biểu đồ 1) dẫn đầu nhóm ngành có nhu cầu nhân lực cao nhất, tập trung ở các vị trí: nhân viên kinh doanh, bán hàng, chuyên viên quản lý kinh doanh, đại diện kinh doanh cấp cao, trưởng phòng kinh doanh thương mại, nhân viên sale dự án, giám đốc kinh doanh, trợ lý kinh doanh, trưởng nhóm bán hàng.

Cũng theo kết quả so sánh nhu cầu nhân lực cao trong 2 năm 2018 và 2019[1] (Biểu đồ 2) của Trung tâm, nhu cầu nhân lực trong khối ngành *Kinh doanh - thương mại* luôn ở mức cao, mỗi năm đều tăng, cụ thể năm 2018 là 23.1%, năm 2019 và 2020 là 23.31% và 25.96%. Điều này cho thấy tốc độ phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế của TP. HCM dẫn tới sự gia tăng nhu cầu nguồn nhân lực lành nghề, có chuyên môn cao.

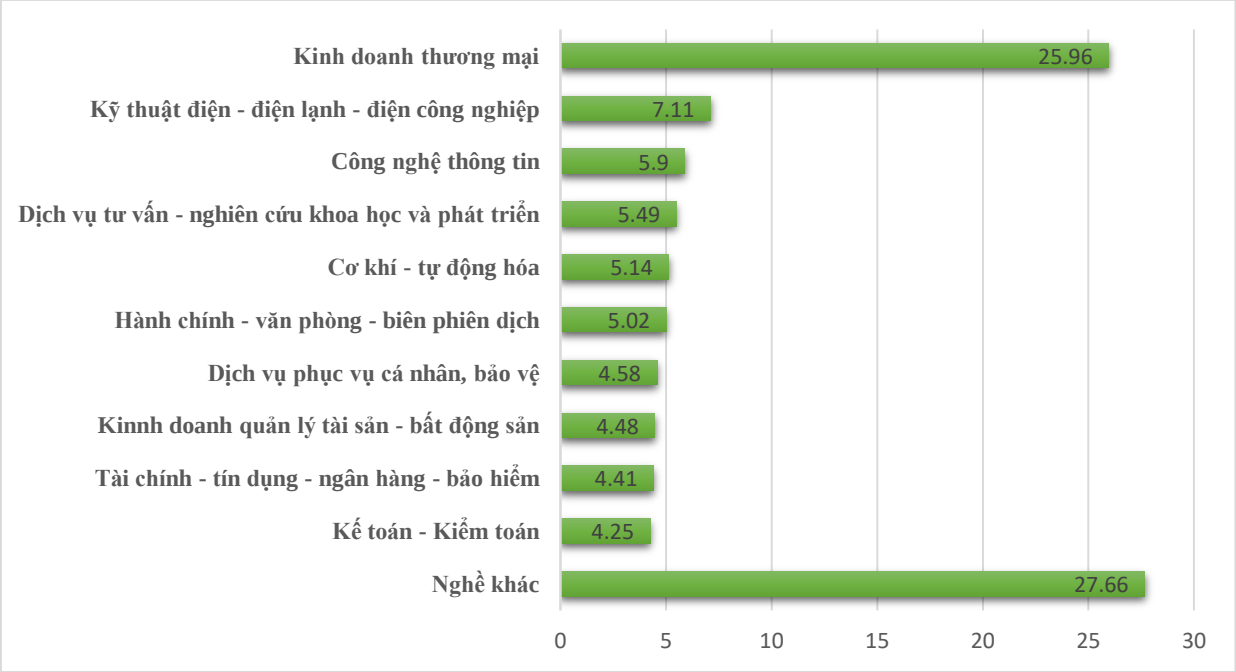

Biểu đồ 1. Các nhóm nghề có nhu cầu nhân lực cao trong năm 2020 (%)

[1] http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn/tin-tuc/8012.bao-cao-thi-truong-lao-dong-thanh-pho-ho-chi-minh-nam-2019-%E2%80%93-du-bao-nhu-cau-nhan-luc-nam-2020.html

(Nguồn: Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động TP.HCM)

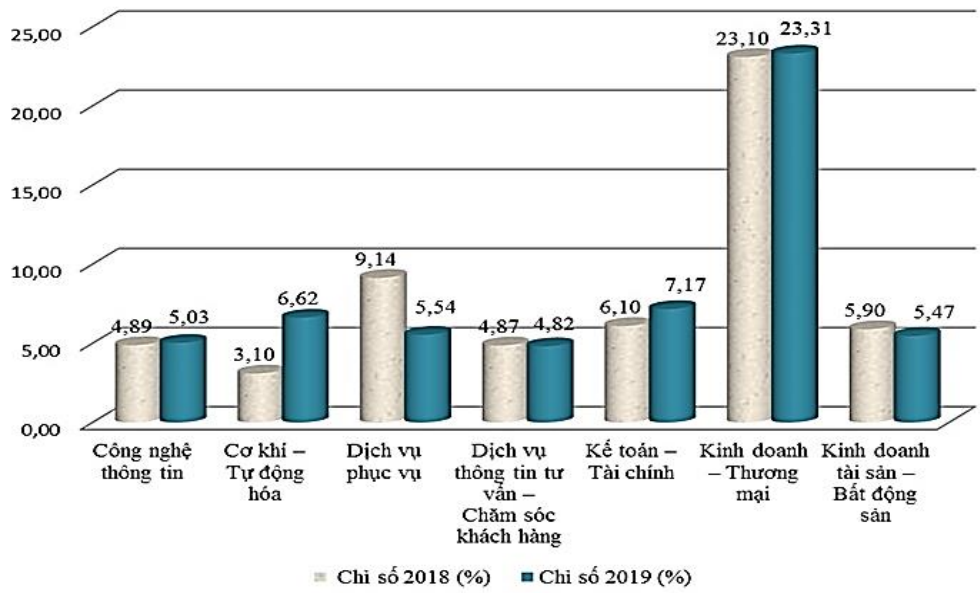

Biểu đồ 2. Những ngành có nhu cầu nhân lực cao trong doanh nghiệp năm 2018, 2019
(Nguồn: Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động TP.HCM)

Mặc dù Việt Nam đang ở trong thời kỳ cơ cấu "dân số vàng", thời kỳ mà dân số trong độ tuổi lao động cao nhất (năm 2016, lực lượng lao động của cả nước đạt khoảng 54,4 triệu người, chiếm khoảng 58,9% tổng dân số), nguồn nhân lực chất lượng cao của cả nước đang thiếu hụt về số lượng, hạn chế về chất lượng và bất cập về cơ cấu. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã nhấn mạnh: "Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, tranh thủ những cơ hội và thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4".

Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng các Hiệp định tự do thương mại (CCTPP, EVFTA, AEC..), Ngành KDQT có vị trí trọng yếu và là công cụ hỗ trợ quan trọng trong hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế, công bằng, và minh bạch. Đây là điều kiện góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững và môi trường thuận lợi trong hợp tác kinh tế quốc tế. Đồng thời, mở ra nhiều cơ hội việc làm và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, mức cạnh tranh nghề nghiệp trong Ngành KDQT là khá cao nên người học phải cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng chuyên nghiệp, trình độ ngoại ngữ. Theo kết quả khảo sát của UMT về nhu cầu lao động, 80% doanh nghiệp (24/30 doanh nghiệp) cho rằng làm việc trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế có tiềm năng phát triển với mức thu nhập cao và đóng góp ý nghĩa cho sự phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tăng trưởng nhanh về công nghệ. Tuy nhiên, phần lớn sinh viên ra trường chưa đáp

ứng được nhu cầu thực tế, thiếu kinh nghiệm làm việc và hạn chế về khả năng ngoại ngữ để có thể tự tin bắt đầu công việc liền trong môi trường quốc tế chuyên nghiệp (xem **Phụ lục 3 – Khảo sát doanh nghiệp)**.

Từ phân tích trên, UMT nhận thấy sự thiếu hụt trong cung nguồn lao động chất lượng cao trong Ngành KDQT và quyết định triển khai mở và đào tạo Ngành KDQT trình độ đại học.

1.3.4 Tình hình đào tạo ngành kinh doanh quốc tế tại Việt Nam

Ngành KDQT tập trung vào các lĩnh vực liên quan đến các hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế như: xuất nhập khẩu, logistics, vận tải quốc tế, thanh toán quốc tế, đầu tư quốc tế, chuỗi cung ứng quốc tế… Đào tạo ngành KDQT đang tăng nhanh trong những năm gần đây. KDQT hiện đang là xu hướng nghề nghiệp của giới trẻ năng động và là một trong những ngành được yêu thích nhất. Nhân lực ngành này có nhiều cơ hội việc làm, mức lương hấp dẫn và cơ hội thăng tiến tốt. Xu hướng này tiếp tục tăng trưởng trong nhiều năm tới.

Nắm bắt được xu hướng đó, nhiều trường đại học ở Việt Nam đã phát triển đào tạo ngành KDQT (cả nước có khoảng hơn 20 cơ sở đào tạo). Trong đó tại TP.HCM có 10 trường (ĐH kinh tế TP.HCM, ĐH Kinh tế - Tài chính TP.HCM, ĐH Tôn Đức Thắng, ĐH Công nghệ TP.HCM, ĐH Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM, ĐH Hoa Sen, ĐH Mở TP. HCM, ĐH Công nghiệp TP. HCM, ĐH Tài chính Marketing, ĐH Sài Gòn); Hà Nội có 6 trường (Học viện Ngân hàng, ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, Khoa Quốc Tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, ĐH Tài chính kế toán); và một số trường ở các tỉnh (Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, ĐH Cần Thơ, ĐH Tài chính Hưng Yên, ĐH Quảng Bình, ĐH Phan Thiết, ĐH Thái Nguyên).[2]

Những năm gần đây, Ngành KDQT cũng thuộc nhóm ngành có điểm chuẩn đầu vào cao nhất (Y khoa, Răng Hàm Mặt, Khoa học máy tính, Sư phạm, Ngôn ngữ Anh). Dưới đây là 10 trường công lập có điểm chuẩn ngành KDQT cao nhất năm 2019 và 2020[3].

Bảng 2. Điểm chuẩn các trường Đại học tuyển sinh Ngành KDQT năm 2019, 2020

TT	Tên Trường	Điểm chuẩn 2019	Điểm chuẩn 2020
1	Đại học Ngoại thương	25.75 & 26.25	27.95
2	Đại học Kinh tế quốc dân	26.15	27.8
3	Đại học Kinh tế TP HCM	25.10	27.5
4	Đại học Kinh tế - Luật TP HCM	25.50	27.43
5	Đại học Kinh tế (Đà Nẵng)	24	26.75

[2] https://hayhochoi.vn/cac-truong-dai-hoc-dao-tao-nganh-kinh-doanh-quoc-te-o-tphcm-ha-noi-va-cac-tinh.html
[3] https://vnexpress.net/10-dai-hoc-co-diem-chuan-nganh-kinh-doanh-quoc-te-cao-nhat-4173658.html

TT	Tên Trường	Điểm chuẩn 2019	Điểm chuẩn 2020
6	Đại học Thương mại	23.50	26.3
7	Đại học Tài chính - Marketing (TP HCM)	23.75	25.8
8	Đại học Cần Thơ	22.25	25.7
9	Đại học Sài Gòn	22.41 – 23.41	25.55
10	Học viện Ngân hàng	22.25	25.3

1.3.5 Những căn cứ xây dựng Đề án mở ngành KDQT

- Luật số 34/2018/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học.
- Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 hợp nhất Luật giáo dục đại học do văn phòng Quốc hội ban hành.
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội thông qua thay thế Luật Giáo dục năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009.
- Văn bản hợpnhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định bàn hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
- Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình độ, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.
- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.
- Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.
- Về nội dung, chương trình được thiết kế trên cơ sở tham khảo các Chương trình đào tạo ngành KDQT của các trường trong và ngoài nước có thứ hạng trên thế giới như: Australian National University (ANU) (xếp hạng 27 theo QS năm 2021, xếp hạng 59

theo THE năm 2021), The University of Texas at Austin (xếp hạng 67 theo QS năm 2021, xếp hạng 44 theo THE năm 2021), Đại học Tôn Đức Thắng (xếp hạng 1001-1200 theo QS năm 2022), Đại học Quốc Gia Hà Hội (xếp hạng 801-1000 theo QS năm 2022, xếp hạng 801-1000 THE năm 2021).

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1 Năng lực của đơn vị đào tạo

2.1.1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của Trường

a. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường tham gia giảng dạy các học phần của ngành KDQT

Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia đứng tên mở ngành Kinh doanh quốc tế gồm 10 giảng viên, trong đó:

- 01 Tiến sĩ ngành Quản trị
- 09 thạc sỹ ngành Kinh doanh quốc tế, Thương mại quốc tế, Quan hệ quốc tế, và Quản trị kinh doanh.

b. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

Khoa có 01 kỹ thuật viên phụ trách hướng dẫn thực hành máy tính cho sinh viên.

Bảng 4. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

2.1.2 Điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Trường hiện có 68 phòng học và giảng đường, với tổng diện tích hơn 6.400 m^2, sức chứa hơn 2.500 ghế ngồi, 02 hội trường với tổng diện tích hơn 1.200 m^2, sức chứa hơn 850 ghế ngồi; trang thiết bị hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy tại các phòng học và giảng đường gồm 25 hệ thống âm thanh, 8 LCD và 25 máy chiếu cho các giảng đường, hội trường.

b. Phòng Thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Trường có xưởng thực hành, studio và 02 phòng máy tính phục vụ cho giảng dạy thực hành.

c. Thư viện và giáo trình

Thư viện có tổng diện tích 141 m^2, trong đó diện tích phòng đọc là 120 m^2, số chỗ ngồi là 50, số lượng sách 1.759, giáo trình điện tử là 325. Thư viện điện tử có địa chỉ http://thuvienso.umt.edu.vn với 325 tài liệu.

Điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập được thể hiện trong Bảng 6.

Bảng 6. Cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	**Phòng học, giảng đường, hội trường**		
1.1	Phòng học	phòng	66
	Diện tích	m^2	6.255
	Sức chứa	ghế	2.350
1.2	Giảng đường	phòng	2
	Diện tích	m^2	226
	Sức chứa	ghế	200
1.3	Hội trường	phòng	2
	Diện tích	m^2	1.269
	Sức chứa	ghế	850
II	**Thiết bị phục vụ giảng dạy**		
	Máy chiếu (Projector)	cái	25
	Màn hình LCD trong phòng học	cái	8
	Hệ thống âm thành	cái	25
III	**Phòng máy tính thực hành**		
	Số phòng	phòng	2
	Tổng diện tích	m^2	110
	Số máy sử dụng được	cái	82
	Số máy nối mạng ADSL	cái	82
IV	**Phòng thực hành (xưởng vẽ, studio)**		
4.1	Xưởng vẽ		2
	Diện tích	m^2	180
4.2	Studio	cái	1
	Diện tích	m^2	54
V	**Thư viện**		
	Diện tích	m^2	141
	Số đầu sách	sách	301
	Số cuốn	cuốn	1.759
	Số máy tính phục vụ tra cứu chung	cái	0
	Thư viện số: http://thuvienso.umt.edu.vn	Tài khoản	0
		Tài liệu	325

2.1.3 Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

a. Nghiên cứu khoa học

Trong chiến lược phát triển, UMT luôn chú trọng các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Hoạt động NCKH góp phần khẳng định vai trò, vị thế và uy tín của trường cũng như nâng cao chất lượng đào tạo và hội nhập quốc tế. Mỗi công trình khoa học được gắn với tên Trường là một lần thương hiệu và uy tín của Trường được thể hiện.

Luật Giáo dục đại học và các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định rất chi tiết về nhiệm vụ quan trọng này. Đây là hoạt động có mối quan hệ hữu cơ với hoạt động đào tạo của UMT, và là một trong hai nhiệm vụ cơ bản chiến lược của Trường. Việc giảng viên, sinh viên trường tích cực tham gia các hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng,

cần thiết để hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Đặc biệt, trong tiêu chí xếp hạng các trường đại học, tỷ lệ % hoạt động KHCN chiếm một tỷ lệ khá lớn.

Xác định rõ vị trí, vai trò của NCKH trong hoạt động của nhà trường, UMT coi trọng thành tựu nghiên cứu của giảng viên khi thực hiện công tác tuyển dụng. Mặc dù trường chưa chính thức giảng dạy, nhưng các giảng viên hiện đã và đang tham gia nhiều đề tài khoa học có tính thực tiễn cao, ứng dụng hiệu quả nhằm góp phần vào sự phát triển của nền khoa học và kinh tế - xã hội cả nước. Trường đã đóng góp một số đề tài nghiên cứu ở cấp Quốc gia, cấp cơ sở về lĩnh vực Khoa học tự nhiên, quản trị kinh doanh và quản lý. Bên cạnh việc tham gia nghiên cứu khoa học, các giảng viên UMT nói chung và Khoa Kinh doanh nói riêng chú trọng đăng tải các bài báo khoa học trong và ngoài nước. Đây là những nền tảng vững chắc nhằm thực hiện mục tiêu quốc tế hóa của Nhà trường trong những năm sắp đến.

b. Hợp tác quốc tế

Tuy mới thành lập nhưng nhà trường đã có nhiều định hướng cho hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và NCKH. Đội ngũ giảng viên của trường đa phần được đào tạo và đã từng làm việc tại các trường Đại học và Viện nghiên cứu lớn của các nước tiên tiến trên thế giới. Hiện tại các mối hợp tác này vẫn đang xúc tiến và là tiền đề tốt cho các hợp tác sâu rộng hơn trong tương lai.

2.2 Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 129 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 3,5 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 03 năm đầu:

Năm thứ	**1 (2022)**	**2 (2023)**	**3 (2024)**
Số sinh viên dự kiến tuyển được	100	150	200

- Điều kiện tốt nghiệp:
    - Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chuẩn đầu ra của ngành học;
    - Đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo;
    - Hoàn tất các môn học và tích lũy đủ số tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo.

2.2.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo

a. Mục tiêu chung

Mục tiêu tổng thể Chương trình cử nhân Ngành KDQT nhằm đào tạo các nhà chuyên môn trong lĩnh vực KDQT, làm việc được trong môi trường kinh doanh đa quốc gia. Đồng thời có thể trở thành các nhà quản lý trong lĩnh vực quản trị và thương mại quốc tế. Cử nhân đại học Ngành KDQT của UMT được kỳ vọng có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, tư duy khoa học, trách nhiệm cộng đồng, và ý thức cao về sự phát triển bền vững.

b. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình cử nhân KDQT, người học đạt được:

Kiến thức:

- Kiến thức chung về văn hóa, xã hội, công nghệ, môi trường kinh doanh; kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực kinh doanh quốc tế;
- Phương pháp và mô hình hiện đại trong hoạt động ngoại thương, quản trị kinh doanh quốc tế, quản trị xuất nhập khẩu, thương mại điện tử, quản trị chuỗi cung ứng quốc tế v.v.;
- Kiến thức về lĩnh vực kinh doanh quốc tế để triển khai thực hiện công việc liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh đa quốc gia;
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong quá trình tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn như: giao dịch và hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, quản trị rủi ro, lên kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh quốc tế.

Kỹ năng:

- Kỹ năng tư duy kinh doanh toàn cầu, suy nghĩ đa chiều và kỹ năng ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu bằng các công cụ thống kê và phân tích định lượng.
- Kỹ năng sử dụng tin học, phần mềm ứng dụng, sử dụng thành thạo tiếng Anh trong kinh doanh và giao dịch thương mại quốc tế;
- Kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức, thích nghi môi trường đa văn hóa;
- Kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, thích nghi, và quản lý thời gian;
- Kỹ năng xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng.

Mức tự chủ và trách nhiệm:

- Tinh thần làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, không ngừng học hỏi, và tôn trọng văn hóa công ty và môi trường kinh doanh đa quốc gia;

- Ý thức chấp hành nghiêm túc pháp luật và nội quy cơ quan; Ý thức kỷ luật cao, tinh thần làm việc tự giác và có trách nhiệm đối với công việc, đối với tập thể và cộng đồng;
- Ý thức tự giác, năng động, bản lĩnh, cầu tiến, tự tin trong công việc, có khả năng làm việc độc lập, có tinh thần phục vụ cộng đồng.

Trình độ tin học: Chứng chỉ MOS quốc tế hoặc tương đương.

Trình độ ngoại ngữ: đạt một trong các chứng chỉ Tiếng Anh sau:

- Chứng chỉ TOEIC quốc tế ≥ 700 điểm.
- Chứng chỉ TOEFL iBT ≥ 65 điểm hoặc TOEFL ITP ≥ 520 điểm.
- Chứng chỉ IELTS ≥ 6.0 điểm.
- Chứng chỉ Cambridge FCE ≥ 170.

2.2.2 Chuẩn đầu ra

Kiến thức:

ELO1: Có khả năng vận dụng có hệ thống và phù hợp các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, văn hóa, đạo đức, công nghệ và pháp luật để phục vụ cho công tác học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường hội nhập.

ELO2: Ứng dụng được kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế vào thực tiễn kinh doanh quốc tế liên quan đến hoạt động ngoại thương, xuất nhập khẩu, đầu tư quốc tế, thương mại điện tử, quản trị chuỗi cung ứng.

ELO3: Có khả năng phân tích và ứng dụng kiến thức trong lĩnh vực KDQT để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp, lập kế hoạch liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế, quản lý đa văn hóa, giải quyết vấn đề phát sinh và ra các quyết định.

ELO4: Có khả năng tổng hợp và đánh giá thực trạng doanh nghiệp trong bối cảnh thay đổi toàn cầu để xây dựng và thực thi hiệu quả các chiến lược phát triển doanh nghiệp.

ELO5: Phát triển các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

Kỹ năng:

ELO6: Sử dụng thuần thục tin học, công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng hiện đại trong quản lý nghiệp vụ KDQT;

ELO7: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, thích ứng bối cảnh kinh doanh thực tiễn tại doanh nghiệp và môi trường đa văn hóa;

ELO8: Thuần thục về kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề phát sinh trong nhiều bối cảnh kinh doanh khác nhau có tham chiếu đến quy định quốc tế;

ELO9: Có kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh, đàm phán quốc tế về hoạt động thương mại; lưu loát Tiếng Anh trong giao dịch quốc tế và đàm phán.

Mức tự chủ và trách nhiệm (Thái độ):

ELO10: Thể hiện tính chủ động, ý thức tự học, nguồn lực cá nhân, ý thức học tập suốt đời, cầu tiến.

ELO11: Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật và quy định Việt Nam và quốc tế, tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

ELO12: Thể hiện tinh thần sẵn sàng tham gia công việc vì lợi ích tập thể và cộng đồng với tinh thần phụng sự và phát triển bền vững.

Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Cử nhân Ngành KDQT - UMT có thể đảm nhận các vị trí chuyên viên trong lĩnh vực thương mại quốc tế, trưởng nhóm kinh doanh, quản lý trong các công ty trong và ngoài nước về thương mại quốc tế. Cử nhân Ngành KDQT – UMT có cơ hội để trở thành trưởng phòng, quản lý cấp trung trong các doanh nghiệp.

Các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Chuyên viên kinh doanh cước tàu biển, hàng không;
- Chuyên viên xuất nhập khẩu;
- Quản trị kinh doanh quốc tế;
- Chuyên viên tài chính quốc tế;
- Chuyên viên thanh toán quốc tế;
- Chuyên viên nghiên cứu thị trường;
- Chuyên viên marketing quốc tế;
- Chuyên viên quản trị chuỗi cung ứng;
- Chuyên viên đầu tư quốc tế;
- Chuyên viên xúc tiến thương mại.

2.2.3 Chương trình đào tạo

a. Khái quát chương trình

Tổng khối lượng kiến thức phải tích lũy: **129 tín chỉ** (không kể tín chỉ của các học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất). Trong đó:

- Khối lượng kiến thức giáo dục đại cương: 48 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên ngành: 81 tín chỉ

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số … ngày … tháng … năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM.

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên và không có môn học không đạt (điểm D+, D, D-, F).
- Các học phần có điểm tổng kết môn học ≥ 4,0 (hệ 10)
- Có chứng chỉ tin học (chứng chỉ MOS quốc tế hoặc tương đương)
- Có một trong các chứng chỉ Tiếng Anh sau: (i) Chứng chỉ TOEIC quốc tế ≥ **700** điểm, (ii) Chứng chỉ TOEFL iBT ≥ **65** điểm hoặc TOEFL ITP ≥ **520** điểm; (iii) Chứng chỉ IELTS ≥ **6.0** điểm; (iv) Chứng chỉ Cambridge FCE ≥ **170**.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành KDQT của UMT.

Bảng 7. Thang điểm

STT	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt (tính số tín chỉ tích luỹ)	9,0 – 10	A	4,0
2		8,5 – 8,9	A-	3,7
3		7,5 – 8,4	B+	3,3
4		7,0 – 7,4	B	3,0
5		6,0 – 6,9	B-	2,7
6		5,5 – 5,9	C+	2,3
7		5,0 – 5,4	C	2,0
8	(Đạt có điều kiện)	4,0 – 4,9	C-	1,7
9	Không đạt	3,0 – 3,9	D+	1,3
10		2,0 – 2,9	D	1,0
11		1,0 – 1,9	D-	0,7
12		00 – 0,9	F	00

Bảng 8. Phân bổ khối kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (tín chỉ)	Ghi chú
I. Kiến thức đại cương	**48**	
1. Lý luận chính trị	11	Bắt buộc
2. Khoa học xã hội- tự nhiên	5	Bắt buộc
3. Ngoại ngữ	15	Bắt buộc
4. Tin học	3	Bắt buộc
5. Kỹ năng phát triển bền vững	8	5 (TC) bắt buộc, 3 (TC) tự chọn
6. Kiến thức liên ngành	6	Tự chọn
II. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	**81**	

1. Kiến thức cơ sở ngành	33	Bắt buộc
2. Kiến thức ngành hoặc chuyên ngành	36	27 (TC) bắt buộc, 9 (TC) tự chọn
3. Học kỳ doanh nghiệp	6	Bắt buộc
4. Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	Bắt buộc

b. Danh mục các học phần/môn học trong chương trình đào tạo

Bảng 9. Khung chương trình đào tạo cử nhân Ngành KDQT

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức				Tín chỉ	Bắt buộc/ Tự chọn	Ghi chú
			LT	TH	ĐA	TT			
		I. KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG					**48**		
		1. Lý luận chính trị					**11**		
1	CT001	Triết học Mác - Lênin	33	12	0	0	3	BB	
2	CT002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	25	5	0	0	2	BB	
3	CT003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	25	5	0	0	2	BB	
4	CT004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	25	3	0	2	2	BB	
5	CT005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	25	3	0	2	2	BB	
		2. Khoa học Xã hội - Tự nhiên					**5**		
6	BUS101	Thống kê và phân tích trong kinh doanh	36	9	0	0	3	BB	
7	PL001	Pháp luật đại cương	30	0	0	0	2	BB	
		3. Ngoại ngữ					**15**		
8	TA001	Anh văn tổng quát 1	15	30	0	0	3	BB	
9	TA002	Anh văn tổng quát 2	15	30	0	0	3	BB	
10	TA003	Anh văn tổng quát 3	15	30	0	0	3	BB	
11	TA004	Anh văn tổng quát 4	15	30	0	0	3	BB	
12	TA005	Anh văn chuyên ngành (Business English)	15	30	0	0	3	BB	
		4. Tin học					**3**		
13	TH001	Tin học ứng dụng	15	30	0	0	3	BB	
		5. Kỹ năng phát triển bền vững					**8**		**Tích lũy TC** (trong
14	KN008	Kỹ năng tự học	15	30	0	0	3	BB	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức				Tín chỉ	Bắt buộc/ Tự chọn	Ghi chú
			LT	TH	ĐA	TT			
15	KN007	Tư duy phản biện	10	20	0	0	2	BB	đó Kỹ năng tự học và Tư duy phản biện là Bắt buộc; Tự chọn 3 trong 7 học phần còn lại)
16-18	KN010	Thái độ sống	15	0	0	0	1	TC	
	KN002	Thực tập chuyển hóa cảm xúc		15			1	TC	
	KN009	Kỹ năng thuyết trình		15			1	TC	
	KN005	Lãnh đạo nhóm		15			1	TC	
	KN006	Kỹ năng ra quyết định		15			1	TC	
	KN003	Kỹ năng giao tiếp		15			1	TC	
	KN001	5S và Kaizen		15			1	TC	
19-20		**6. Kiến thức liên ngành**					**6**		
	KN004	Khởi nghiệp và Sáng tạo	30	15	0	0	3	TC	Tự chọn 2 trong 5 học phần
	KP004	Hành trình công dân số	30	15	0	0	3	TC	
	KP006	Trí tuệ cảm xúc và phát triển thương hiệu cá nhân	30	15	0	0	3	TC	
	KP001	Học thông qua phục vụ cộng đồng	30	15	0	0	3	TC	
	KP005	Giao tiếp đa văn hóa	30	15	0	0	3	TC	
21		**7. Giáo dục thể chất**							Chứng chỉ. Không tích lũy TC
	TC004	Khiêu vũ							
	TC002	Bóng đá							
	TC006	Võ Vovinam							
	TC001	Thể hình							
	TC005	Quần vợt							
22		**8. Giáo dục quốc phòng**						BB	Chứng chỉ. Không tích lũy TC
	QP001-4	Giáo dục quốc phòng							
		II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH					**81**		
		1. Kiến thức cơ sở ngành					**33**		
23	BUS102	Kinh tế vi mô	30	15	0	0	3	BB	
24	BUS103	Kinh tế vĩ mô	30	15	0	0	3	BB	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức				Tín chỉ	Bắt buộc/ Tự chọn	Ghi chú
			LT	TH	ĐA	TT			
25	BUS104	Phân tích định lượng trong kinh doanh	30	15	0	0	3	BB	
26	ACC101	Nguyên lý kế toán	30	15	0	0	3	BB	
27	MKT101	Nguyên lý Marketing	30	15	0	0	3	BB	
28	BUS105	Quản trị học	30	15	0	0	3	BB	
29	FIN101	Tài chính doanh nghiệp	30	15	0	0	3	BB	
30	BUS106	Hành vi tổ chức	30	15	0	0	3	BB	
31	BUS201	Quản trị thương hiệu	30	15	0	0	3	BB	
32	BUS108	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	30	15	0	0	3	BB	
33	MKT205	Hành vi khách hàng	30	15	0	0	3	BB	
		2. Kiến thức ngành hoặc chuyên ngành					27		
34	IB201	Nhập môn kinh doanh quốc tế	30	15	0	0	3	BB	
35	IB202	Logistics quốc tế và bảo hiểm	30	15	0	0	3	BB	
36	IB203	Thanh toán quốc tế	30	15	0	0	3	BB	
37	IB204	Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	30	15	0	0	3	BB	
38	IB205	Tài chính quốc tế	30	15	0	0	3	BB	
39	IB206	Luật thương mại quốc tế	30	15	0	0	3	BB	
40	IB207	Quản trị xuất nhập khẩu	30	15	0	0	3	BB	
41	IB208	Quản trị kinh doanh quốc tế	30	15	0	0	3	BB	
42	BUS205	Thương mại điện tử	30	15	0	0	3	BB	
43-45		**Môn tự chọn**					9		
	IB301	Quản trị nhân lực quốc tế	30	15	0	0	3	TC	Tự chọn 3 trong 9 học phần
	IB302	Đầu tư quốc tế	30	15	0	0	3	TC	
	IB303	Marketing quốc tế	30	15	0	0	3	TC	
	IB304	Chiến lược kinh doanh quốc tế	30	15	0	0	3	TC	
	IB305	Kinh doanh nhượng quyền	30	15	0	0	3	TC	
	IB306	Đàm phán kinh doanh quốc tế	30	15	0	0	3	TC	
	IB307	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp quốc tế	30	15	0	0	3	TC	
	IB308	Cam kết và hội nhập thương mại quốc tế	30	15	0	0	3	TC	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức				Tín chỉ	Bắt buộc/ Tự chọn	Ghi chú
			LT	TH	ĐA	TT			
	IB309	Thanh toán điện tử	30	15	0	0	3	TC	
46	IB401	**3. Học kỳ doanh nghiệp**					6	BB	
47	IB402	**4. Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp**					6	BB	
		Tổng cộng					129		

2.2.4 Đề cương chi tiết các môn học (Đính kèm Phụ lục 4)

2.2.5 Kế hoạch đào tạo

Kế hoạch đào tạo dự kiến trong 3,5 năm, 10 học kỳ chính, trong đó đã bao gồm 01 học kỳ doanh nghiệp và được triển khai theo mô hình 3 học kỳ/năm.

Bảng 10. Kế hoạch học tập

HỌC KỲ 1

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Anh văn tổng quát 1	3	45		*Học 6 tiết/ tuần, kéo dài 15 tuần*
2	Anh văn tổng quát 2	3	45	Anh văn tổng quát 1	
3	Kỹ năng tự học	3	45		
4	Quản trị thương hiệu	3	45		
5	Kinh tế vi mô	3	45		
6	Tin học ứng dụng	3	45		
7	Giáo dục thể chất 1	0			
8	Giáo dục quốc phòng 1	0			
Tổng cộng		**15**			

HỌC KỲ 2

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Anh văn tổng quát 3	3	45	Anh văn tổng quát 1, 2	
2	Anh văn tổng quát 4	3	45	Anh văn tổng quát 3	
3	Pháp luật đại cương	2	30		
4	Thống kê và phân tích trong kinh doanh	3	45		
5	Kỹ năng -Tự chọn	1	15		*Tự chọn*
6	Kinh tế vĩ mô	3	45	Kinh tế vi mô	

7	Nguyên lý Marketing	3	45		
8	Giáo dục thể chất 2	0			
9	Giáo dục quốc phòng 2	0		Giáo dục quốc phòng 1	
Tổng cộng		**18**			

HỌC KỲ 3

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Anh văn chuyên ngành	3	45		
2	Triết học Mác-Lênin	3	45		
3	Kiến thức liên ngành - Tự chọn	3	45		*Tự chọn*
4	Nguyên lý kế toán	3	45		
5	Quản trị học	3	45		
6	Giáo dục thể chất 3	0			
7	Giáo dục quốc phòng 3	0		Giáo dục quốc phòng 1, 2	
Tổng cộng		**15**			

HỌC KỲ 4

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Kỹ năng -Tự chọn	1	15		*Tự chọn*
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		
3	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	45		
4	Hành vi tổ chức	3	45	Quản trị học	
5	Tài chính doanh nghiệp	3	45		
6	Quản trị xuất nhập khẩu	3	45		
7	Giáo dục quốc phòng 4	0		Giáo dục quốc phòng 3	
Tổng cộng		**15**			

HỌC KỲ 5

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Kỹ năng -Tự chọn	1	15		*Tự chọn*
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		
3	Nhập môn kinh doanh quốc tế	3	45		
4	Luật Thương mại quốc tế	3	45	Quản trị xuất nhập khẩu	

5	Hành vi khách hàng	3	45		
6	Logistics quốc tế và bảo hiểm	3	45	Quản trị xuất nhập khẩu	
Tổng cộng		**15**			

HỌC KỲ 6

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Tư duy phản biện	2	30		
2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	
3	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	45		
4	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45	Nhập môn kinh doanh quốc tế	
5	Kiến thức liên ngành - Tự chọn	3	45		*Tự chọn 1 trong 5 học phần*
Tổng cộng		**13**			

HỌC KỲ 7

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Học kỳ doanh nghiệp	6	90		
Tổng cộng		**6**			

HỌC KỲ 8

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Chuyên ngành-Tự chọn	3	45		*Tự chọn*
2	Quản lý chuỗi cung ứng quốc tế	3	45		
3	Thanh toán quốc tế	3	45	Quản trị xuất nhập khẩu	
4	Thương mại điện tử	3	45		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
Tổng cộng		**14**			

HỌC KỲ 9

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Chuyên ngành-Tự chọn	3	45		*Tự chọn*
2	Chuyên ngành-Tự chọn	3	45		*Tự chọn*

3	Tài chính quốc tế	3	45		
Tổng cộng		**9**			

HỌC KỲ 10

STT	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn học trước	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp	6	90		
Tổng cộng		**6**			

III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

3.1 Đề nghị của cơ sở đào tạo

Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành KDQT của Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM (UMT) đáp ứng đầy đủ các điều kiện mở ngành/chuyên ngành đào tạo quy định trong Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo do Bộ trưởng ký và có hiệu lực từ ngày 10/10/2017. Thông tin liên quan đến việc đăng ký mở ngành đào tạo đã được đưa lên trang web của Trường tại địa chỉ: **www.umt.edu.vn**.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn rất lớn về đào tạo người lao động có kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý hiện nay, UMT đăng ký mở Ngành KDQT trình độ đại học.

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận cho UMT được triển khai đào tạo Ngành KDQT từ năm học 2022-2023.

3.2 Cam kết triển khai thực hiện

Trường đã chuẩn bị chu đáo từ chương trình đào tạo đến cơ sở vật chất, nhất là đội ngũ giảng viên để sẵn sàng cho việc mở và đào tạo ngành KDQT. Trong tương lai, UMT tiếp tục đầu tư mạnh về cơ sở vật chất, chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên chất lượng cao và các chương trình hợp tác quốc tế nhằm luôn đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký và đóng dấu)

TS. Huỳnh Bá Lân

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Phòng Đào tạo;*
- *Lưu: VT, Khoa KD.*